

Bản án số: 10/2024/HS-ST
Ngày: 05/02/2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ MÓNG CÁI, TỈNH QUẢNG NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Nguyễn Thùy Dương

Các Hội thẩm nhân dân: - Bà Lê Thị Thu Anh

- Ông Phạm Quốc Hưng

- Thư ký phiên tòa: ông Nguyễn Hoàng Sơn - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Móng Cái, tỉnh Quảng Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Móng Cái, tỉnh Quảng Ninh tham gia phiên tòa: bà Tạ Thị Huyền - Kiểm sát viên.

- Những người tiến hành tố tụng tại điểm cầu thành phần:

+ Ông Nguyễn Ngọc Lâm - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Móng Cái, tỉnh Quảng Ninh.

+ Ông Phạm Vương Đại Minh - Kiểm tra viên Viện kiểm sát nhân dân thành phố Móng Cái, tỉnh Quảng Ninh.

Ngày 05 tháng 02 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Móng Cái, tỉnh Quảng Ninh và Hội trường tầng 02 Đội cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy Công an thành phố M, tỉnh Quảng Ninh mở phiên tòa xét xử trực tuyến công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 04/2024/TLST-HS ngày 16 tháng 01 năm 2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2024/QĐXXST-HS ngày 22 tháng 01 năm 2024, đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: **Nguyễn Văn M1** (tên gọi khác: không); sinh ngày 04/6/1983, tại huyện G, tỉnh Hải Dương; nơi thường trú: thôn E, xã H, thành phố M, tỉnh Quảng Ninh; nghề nghiệp: không; trình độ học vấn: 7/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn T và bà Đoàn Thị L1; vợ: chưa có; con: 03 con; tiền án: ngày 31/8/2012, Tòa án nhân dân huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương xử phạt 27 tháng tù về tội “cố ý gây thương tích”, ngày 26/8/2014 chấp hành xong hình phạt tù; ngày 12/8/2015, Tòa án nhân dân huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương xử phạt 08 năm tù về tội “tàng trữ trái phép chất ma túy”, ngày 19/4/2021 chấp hành xong hình phạt tù; tiền sự: chưa. Bị cáo bị bắt

quả tang ngày 05/10/2023, hiện tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Q. Có mặt tại phiên tòa.

2. Họ và tên: **Đào Thị T1** (tên gọi khác: không); sinh ngày 01/01/1986, tại thành phố H, tỉnh Kiên Giang; nơi đăng ký thường trú: tổ E, khu phố B, phường P, thành phố H, tỉnh Kiên Giang; nơi ở hiện tại: khu D, phường H, thành phố M, tỉnh Quảng Ninh; nghề nghiệp: không; trình độ học vấn: 7/12; dân tộc: kinh; giới tính: nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đào Văn T2 và bà Nguyễn Thị S; chồng, con: chưa có; tiền án, tiền sự: chưa. Bị cáo bị bắt quả tang ngày 05/10/2023, hiện tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Q. Có mặt tại phiên tòa.

Người chứng kiến:

- Ông Lê Đình L2, sinh năm 1952; nơi thường trú: thôn E, xã H, thành phố M, tỉnh Quảng Ninh. Vắng mặt.

- Chị Nguyễn Thị Hải Y, sinh năm 1992; nơi thường trú: thôn E, xã H, thành phố M, tỉnh Quảng Ninh. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: do có nhu cầu sử dụng ma túy nên sáng ngày 05/10/2023, Nguyễn Văn M1 đi đến khu vực đường tàu thuộc Phố G, thành phố H, tỉnh Hải Dương tìm mua ma túy. Tại đây, M1 gặp và mua của một người đàn ông (không rõ lai lịch, địa chỉ) 02 túi ma túy “đá” với giá 600.000đ. Sau khi mua, M1 dùng miếng giấy vệ sinh gói 02 túi ma túy lại và quấn băng dính đen bên ngoài, cất giấu vào túi quần, rồi đón xe ô tô khách đi về nhà tại thôn E, xã H, thành phố M, tỉnh Quảng Ninh. Sau khi M1 về đến nhà, khoảng 18 giờ 50 phút cùng ngày, Đào Thị T1 (là bạn của M1) gọi điện thoại bảo M1 đi đến thôn H, xã H, thành phố M để đón T1 về nhà M1 chơi. M1 đã nhờ con gái của M1 là cháu Nguyễn Thị V đi đón T1. Khi T1 đến nhà của M1, thì M1 lấy gói ma túy đang cất giấu trong túi quần đưa cho T1 cất giữ để cùng nhau sử dụng sau, rồi M1 đi giải quyết việc riêng. Tọt nhận gói ma túy cất giấu ở dưới chăn và ngồi trên giường đợi M1 về. Đến khoảng 21 giờ cùng ngày, M1 quay về nhà thì Tổ công tác của Công an thành phố M đến kiểm tra phát hiện, bắt quả tang. Vật chứng thu giữ: 01 gói giấy màu trắng có quấn băng dính màu đen bên ngoài, bên trong gói giấy có 02 túi nilon: 01 túi nilon kích thước khoảng (2x2,5)cm, chứa chất tinh thể màu trắng (ký hiệu M1); 01 túi nilon được hàn kín, bên trong chứa chất tinh thể màu trắng (ký hiệu M2). Ngoài ra tạm giữ của Nguyễn Văn M1 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO lắp 02 sim số 0972.872.815 và 0975.607.122; tạm giữ của Đào Thị T1 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO lắp 01 sim số 0393.181.693.

Tại bản Kết luận giám định số: 1479/KL-KTHS ngày 11/10/2023, của Phòng K Công an tỉnh Q kết luận: mẫu vật ký hiệu M1, M2 gửi giám định là ma túy; loại Methamphetamine; khối lượng lần lượt là 0,363gam và 0,145gam. Tổng khối lượng ma túy là 0,508gam (không phải năm không tám gam).

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo có lời khai như nội dung vụ án. Ngoài ra, bị cáo Nguyễn Văn M1 còn khai nhận khoảng 07 giờ ngày 05/10/2023, do có nhu cầu sử dụng ma túy “đá” nên đã đến khu vực đường tàu ở phố G, thành phố H gặp một người đàn ông (không rõ lai lịch, địa chỉ) mua được 02 túi ma túy “đá” với giá 600.000đ, ma túy Methamphetamine, để sử dụng; bị cáo Đào Thị T1 còn khai nhận khoảng 18 giờ 50 phút ngày 05/10/2023 bị cáo gọi điện cho M1 nhờ đón đến nhà M1 chơi, sau khi đến nhà M1, bị cáo ngồi chơi một lúc thì được M1 đưa cho một gói giấy màu trắng có quần băng dính đen bên ngoài và bảo tôi cầm để tí nữa sử dụng cùng nhau rồi đi ra ngoài. Đến khoảng 21 giờ 10 phút cùng ngày, khi M1 vừa quay về nhà thì lực lượng Công an đến kiểm tra, phát hiện, bắt quả tang và thu giữ số ma túy “đá” mà bị cáo cất giấu trên giường ngủ của M1.

Người chứng kiến ông Lê Đình L2 và chị Nguyễn Thị Hải Y vắng mặt nhưng có lời khai trong hồ sơ thể hiện: khoảng 21 giờ 10 phút ngày 05/10/2023, khi ông L2, chị Y đang ở nhà tại thôn E, xã H, thành phố M, tỉnh Quảng Ninh thì được cán bộ Công an xã H mời chứng kiến việc kiểm tra hành chính tại nhà Nguyễn Văn M1, sinh năm 1983, trú tại: thôn E, xã H, thành phố M, tỉnh Quảng Ninh. Khi đến nhà M1, ông L2, chị Y thấy trong nhà có M1 và một người phụ nữ đang ngồi trên giường trong phòng ngủ khai tên là Đào Thị T1, sinh năm 1986, nơi ở hiện tại: khu D, phường H, thành phố M, tỉnh Quảng Ninh. Quá trình kiểm tra ông L2, chị Y thấy T1 có biểu hiện che giấu đồ vật gì đó ở dưới chăn trải trên giường nên lực lượng Công an đã yêu cầu T1 lật chăn lên để kiểm tra thì phát hiện, thu giữ 01 (một) gói giấy màu trắng được quần băng dính đen bên ngoài, bên trong gói giấy có 02 (hai) túi nilon đều chứa chất tinh thể màu trắng, M1 và T1 đều khai nhận chất tinh thể màu trắng trên là ma túy “đá” của M1 đưa cho T1 để cả hai cùng nhau sử dụng.

Liên quan trong vụ án có người đàn ông bán ma túy cho M1, quá trình điều tra không xác định được lai lịch, địa chỉ nên không có căn cứ để xử lý.

Tại bản Cáo trạng số: 11/CT-VKS-MC, ngày 15/01/2024 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Móng Cái truy tố bị cáo Nguyễn Văn M1 về tội “tàng trữ trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm o khoản 2 Điều 249 của Bộ luật hình sự; bị cáo Đào Thị T1 về tội “tàng trữ trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát thực hành quyền công tố đã giữ nguyên quyết định truy tố và luận tội đối với các bị cáo Nguyễn Văn M1, Đào Thị T1. Sau khi phân tích nội dung vụ án, tính nguy hiểm của hành vi phạm tội, nhân thân và tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, đã đề nghị với Hội đồng xét xử: tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn M1 về tội “tàng trữ trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm o khoản 2 Điều 249 của Bộ luật hình sự; bị cáo Đào Thị T1 về tội “tàng trữ trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật hình sự.

Căn cứ vào: điểm o khoản 2 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58 của Bộ luật hình sự. Xử phạt: bị cáo Nguyễn Văn M1 từ 06 (sáu) năm đến 06 (sáu) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 05/10/2023.

Căn cứ vào: điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58 của Bộ luật hình sự. Xử phạt: bị cáo Đào Thị T1 từ 15 (mười lăm) tháng đến 18 (mười tám) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 05/10/2023.

Về hình phạt bổ sung: không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo Nguyễn Văn M1, Đào Thị T1.

Về vật chứng và xử lý vật chứng: căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự; điểm a, c khoản 2; điểm a khoản 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Tịch thu tiêu hủy: 0,4gam (không phải bốn gam) ma túy, loại Methamphetamine được niêm phong theo đúng quy định của pháp luật. Mặt trước phong bì ghi: “mẫu vật hoàn lại kèm theo kết luận giám định số: 1479/KL-KLHS ngày 11/10/2023”; 01 (một) gói giấy màu trắng được quấn băng dính đen bên ngoài. Trả lại cho bị cáo Nguyễn Văn M1: 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu OPPO, màu hồng, bên trong lắp 02 sim, máy đã qua sử dụng; bị cáo Đào Thị T1 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu OPPO, màu đỏ, bên trong lắp 01 sim, máy đã qua sử dụng.

Tại phiên tòa các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi như Cáo trạng truy tố các bị cáo. Các bị cáo không có ý kiến tranh luận với lời luận tội của Kiểm sát viên và xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định của Cơ quan điều tra Công an thành phố M, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Móng Cái, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội: tại phiên tòa các bị cáo Nguyễn Văn M1, Đào Thị T1 đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung Cáo trạng đã truy tố. Lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra; phù hợp với các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án như vật chứng đã thu giữ; biên bản bắt người phạm tội quả tang, kết luận giám định và phù hợp với lời khai của người chứng kiến. Như vậy, đã có đủ cơ sở kết luận vào khoảng 21 giờ ngày 05/10/2023, tại thôn E, xã H, thành phố M, Nguyễn Văn M1 và Đào Thị T1 có hành vi cất giấu trái phép 0,508gam (không

phẩy năm không tám gam) ma túy, loại Methamphetamine để sử dụng, thì bị phát hiện, bắt quả tang. Hành vi của bị cáo Nguyễn Văn M1 đã cấu thành tội “tàng trữ trái phép chất ma túy”, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm o khoản 2 Điều 249 của Bộ luật hình sự; bị cáo Đào Thị T1 đã cấu thành tội “tàng trữ trái phép chất ma túy”, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật hình sự. Như vậy, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Móng Cái truy tố các bị cáo với tội danh và khung hình phạt trên là có căn cứ, đúng pháp luật.

Hành vi phạm tội của bị cáo Nguyễn Văn M1 là rất nghiêm trọng, bị cáo Đào Thị T1 là nghiêm trọng, nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến chính sách độc quyền quản lý của Nhà nước đối với các chất ma túy, là một trong những nguyên nhân làm phát sinh các tệ nạn xã hội khác, ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự an ở địa phương. Các bị cáo là người có đủ năng lực hành vi nhận thức rõ tác hại của ma túy, để thỏa mãn nhu cầu riêng của bản thân các bị cáo đã cố ý thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội, vì vậy cần xử lý nghiêm, mới có tác dụng giáo dục các bị cáo và phục vụ công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm, phòng ngừa chung.

[3] Về vai trò các bị cáo trong vụ án: Hội đồng xét xử xét thấy, đây là vụ án đồng phạm giản đơn, trong đó bị cáo Nguyễn Văn M1 là người chủ động đi mua ma túy, rồi đưa cho bị cáo T1 cất giấu để cùng nhau sử dụng nên bị cáo M1 giữ vai trò chính; bị cáo Đào Thị T1 tích cực giúp bị cáo M1 cất giấu ma túy để cùng nhau sử dụng, do đó bị cáo phải chịu mức hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội của mình nhưng thấp hơn bị cáo M1.

[4] Về áp dụng tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, hình phạt bổ sung:

- Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: các bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào quy định tại khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự. Tuy nhiên, bị cáo Nguyễn Văn M1 có 02 tiền án chưa được xóa án tích: ngày 31/8/2012, Tòa án nhân dân huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương xử phạt 27 tháng tù về tội “cố ý gây thương tích”. Ngày 12/8/2015, Tòa án nhân dân huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương xử phạt 08 năm tù về tội “tàng trữ trái phép chất ma túy”. Như vậy, bị cáo phạm tội lần này là “tái phạm nguy hiểm”, đây là tình tiết định khung theo quy định tại điểm o khoản 2 điều 249 của Bộ luật hình sự.

- Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo Nguyễn Văn M1, Đào Thị T1 thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự, để giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo thể hiện sự khoan hồng của pháp luật.

[5] Sau khi xem xét, đánh giá tính chất của vụ án, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, nhân thân, tình tiết tăng nặng, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, Hội đồng xét xử, xét thấy cần thiết ấn định mức hình phạt nghiêm trong khung đã truy tố đối với các bị cáo và cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội một thời

gian để cải tạo, giáo dục bị cáo và răn đe phòng ngừa tội phạm chung.

[6] Về hình phạt bổ sung, theo quy định tại khoản 5 Điều 249 của Bộ luật hình sự, người phạm tội còn có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền. Tuy nhiên, theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của các bị cáo tại phiên tòa đều cho thấy các bị cáo không có tài sản riêng, không có nghề nghiệp và thu nhập ổn định. Vì vậy, Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

[7] Về vật chứng và xử lý vật chứng:

- Sau khi giám định, Phòng K Công an tỉnh Q hoàn lại Cơ quan CSĐT Công an thành phố M là 0,4gam (không phải bốn gam) ma túy, loại Methamphetamine kèm theo kết luận giám định số: 1479/KL-KLHS ngày 11/10/2023 theo đúng quy định của pháp luật là vật Nhà nước cấm tàng trữ, lưu hành; 01 (một) gói giấy màu trắng được quấn băng dính đen bên ngoài không có giá trị sử dụng, cần tịch thu tiêu hủy.

- Đối với 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu OPPO, màu hồng, bên trong lắp 02 sim số 0972.872.815 và 0975.607.122, máy đã qua sử dụng, thu giữ của bị cáo Nguyễn Văn M1; 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu OPPO, màu đỏ, bên trong lắp 01 sim số 0393.181.693, máy đã qua sử dụng, thu giữ của bị cáo Đào Thị T1 là tài sản hợp pháp của các bị cáo không liên quan đến hành vi phạm tội cần trả lại cho các bị cáo.

[8] Về nghĩa vụ nộp án phí hình sự sơ thẩm: cần buộc các bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

[9] Về quyền kháng cáo: các bị cáo có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

[10] Đối với người đàn ông bán ma túy cho M1, quá trình điều tra không xác định được lai lịch, địa chỉ nên không có căn cứ để xử lý.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: các bị cáo **Nguyễn Văn M1, Đào Thị T1** phạm tội “tàng trữ trái phép chất ma túy”;

Căn cứ vào: điểm o khoản 2 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt: bị cáo Nguyễn Văn M1 06 (sáu) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 05/10/2023.

Căn cứ vào: điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt: bị cáo Đào Thị T1 21 (hai mươi mốt) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 05/10/2023.

*. Về vật chứng và xử lý vật chứng: căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 47 của

Bộ luật hình sự; điểm a, c khoản 2; điểm a khoản 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

- Tịch thu tiêu hủy: 0,4gam (không phẩy bốn gam) ma túy, loại Methamphetamine được niêm phong theo đúng quy định của pháp luật. Mặt trước phong bì ghi “mẫu vật hoàn lại kèm theo Kết luận giám định số: 1479/KL-KTHS ngày 11/10/2023”; 01 (một) gói giấy màu trắng được quấn băng dính đen bên ngoài.

- Trả lại cho bị cáo Nguyễn Văn M1: 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu OPPO, màu hồng, số IMEI 1: 864212033832250, số IMEI 2: 864212033832243, bên trong lắp 02 sim số 0972.872.815 và 0975.607.122, máy đã qua sử dụng.

- Trả lại cho bị cáo Đào Thị T1: 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu OPPO, màu đỏ, số IMEI 1: 866376047262396, số IMEI 2: 866376047262388, bên trong lắp 01 sim số 0393.181693, máy đã qua sử dụng.

(tình trạng số vật chứng trên theo biên bản giao nhận vật chứng số: 51/2024/THA, ngày 15 tháng 01 năm 2024 giữa Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Móng Cái, tỉnh Quảng Ninh và Cơ quan CSĐT Công an thành phố M, tỉnh Quảng Ninh).

*. Về nghĩa vụ nộp án phí sơ thẩm: căn cứ vào khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo Nguyễn Văn M1, Đào Thị T1 mỗi bị cáo phải nộp 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

*. Về quyền kháng cáo: căn cứ vào khoản 1 Điều 331; khoản 1 Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ninh;
- VKSND tỉnh Quảng Ninh;
- VKSND thành phố Móng Cái;
- CQĐT Công an thành phố Móng Cái;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Quảng Ninh;
- Thi hành án HS+DS;
- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng khác;
- Sở Tư pháp tỉnh Quảng Ninh;
- Lưu án văn + Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Thùy Dương